

DANH SÁCH SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026 (DỰ KIẾN)

** Sinh viên lưu ý đây là kết quả dự kiến, kết quả chính thức có thể sẽ có thay đổi, cập nhật sau thời gian sinh viên khiếu nại!*

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
1	22110014	Đậu Quang Anh	18	18	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
2	22110018	Trần Phạm Quốc Anh	19	19	9,85	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
3	22110038	Trần Thành Đạt	14	14	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
4	22110049	Đỗ Tiền Hải	17	14	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
5	22110081	Lê Đặng Gia Khánh	15	15	9,87	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
6	22110116	Nguyễn Vũ Hoàng Minh	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
7	22110202	Lý Quang Thắng	15	15	9,87	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
8	22110228	Đào Trọng Toàn	16	16	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
9	22110239	Lê Minh Trọng	18	18	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
10	22110264	Nguyễn Văn Anh Vũ	14	14	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
11	22120080	Nguyễn Minh Duy	22	22	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
12	22120110	Đặng Minh Hoàng	15	12	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
13	22120126	Nguyễn Tấn Hưng	12	12	9,77	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
14	22120133	Hà Đức Huy	12	12	9,83	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
15	22120147	Bùi Trần Quang Khải	12	12	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
16	22120148	Lê Quang Khải	14	14	9,49	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
17	22120160	Bùi Lê Anh Khoa	16	16	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
18	22120180	Đàm Văn Lâm	12	12	9,57	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
19	22120194	Nguyễn Nhật Long	18	18	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
20	22120213	Đoàn Thị Minh Anh	14	14	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
21	22120215	Nguyễn Thị Mỹ	18	18	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
22	22120246	Nguyễn Đình Nhân	14	14	9,56	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
23	22120293	Võ Hoàng Anh Quân	20	16	9,53	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
24	22120300	Nguyễn Tiến Quốc	12	12	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
25	22120301	Nguyễn Trung Quốc	12	12	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
26	22120406	Võ Anh Tuấn	12	12	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
27	22120427	Nguyễn Mạnh Văn	16	16	9,55	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
28	22130029	Nguyễn Hải Đăng	14	14	9,77	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
30	22130077	Nguyễn Văn Khang	14	14	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
31	22130134	Lâm Tâm Như	14	14	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
32	22130153	Quách Thiệu Sâm	16	16	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
34	22130177	Phan Lê Minh Thuận	16	16	9,33	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
35	22130211	Lương Tiểu Tuệ	14	14	9,28	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
29	22130040	Cao Khánh Duy	23	20	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
33	22130157	Lê Bá Sơn	18	18	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
36	22140009	Dương Trịnh Thế Anh	15	15	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
37	22140030	Lê Lan Chi	22	22	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
38	22140102	Thái Minh Lập	15	15	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
39	22140108	Nguyễn Ngọc Gia Linh	15	15	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
40	22140131	Trần Minh Ngọc	18	15	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
41	22140134	Trần Xuân Nguyên	15	15	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
42	22140161	Trần Minh Phúc	15	15	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
43	22140191	Nguyễn Thị Thạch Thảo	15	15	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
44	22140232	Dương Mạnh Tường	12	12	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
45	22150035	Tạ Thị Hằng	14	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
46	22150040	Nguyễn Thu Hiền	17	14	8,87	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
47	22150067	Lê Nhật Minh	15	14	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
48	22150128	Huỳnh Hoàng Tú	15	12	8,32	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
49	22160015	Nguyễn Trần Trọng	19	16	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Địa chất học
50	22170003	Lê Thị Vân Anh	14	14	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
51	22170050	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	14	14	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
52	22170059	Võ Thị Hồng Thắm	14	14	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
53	22180020	Lê Trọng Bằng	14	14	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
54	22180029	Hoàng Linh Chi	14	14	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
55	22180032	Nguyễn Đặng Chí Cường	14	14	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
56	22180059	Ninh Giao Mỹ Hằng	14	14	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
57	22180061	Nguyễn Thị Hiền	18	15	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
58	22180071	Nguyễn Gia Huy	14	14	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
59	22180123	Phan Vũ Gia Nghi	14	14	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
60	22180124	Võ Hà Phương Nghi	15	15	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
61	22180197	Hà Cẩm Thùy	10	10	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
62	22190001	Võ Thúy An	14	14	8,94	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
63	22190025	Nguyễn Hạnh Bảo Hân	14	14	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
64	22190070	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	14	14	9,46	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
65	22190076	Phạm Viết Tâm	14	14	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Khoa học vật liệu
66	22200019	Lê Phong Cảnh	16	16	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
67	22200063	Phạm Trọng Hoàng	16	16	9,36	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
68	22200104	Võ Ngô Anh Minh	16	13	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
69	22200135	Phạm Phương Quỳnh	25	16	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
70	22200164	Phạm Ngọc Trâm	16	13	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
71	22200183	Nguyễn Quốc Việt	16	16	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
72	22210009	Nguyễn Thị Ngân	15	15	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
73	22220012	Võ Hoàng Duy	15	15	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
74	22220039	Trần Huy Nhơn	15	15	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
75	22220055	Nguyễn Lê Tâm Thi	17	15	8,71	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
76	22230041	Nguyễn Văn Thiêm	17	14	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
77	22230044	Dur Bảo Trâm	14	14	9,55	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật hạt nhân
78	22250026	Nguyễn Xuân Khôi	15	15	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
79	22250043	Trần Quốc Sơn	18	15	9,04	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
80	22260001	Lê Tuấn Anh	15	15	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
81	22260046	Nguyễn Nhật Trịnh	15	15	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
82	22270004	Trần Lệ Yên Chi	15	15	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất
83	22280034	Trương Minh Hoàng	18	18	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
84	22280037	Nguyễn Thị Xuân Hương	12	12	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
85	22280040	Trần Gia Huy	12	12	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
86	22280072	Vũ Ngọc Phương	12	12	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
87	22290022	Phạm Thị Nhị	19	19	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
88	22290026	Lữ Thị Như Quỳnh	19	19	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
89	22290034	Hoàng Mai Trang	22	19	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
90	23110004	Phạm Quỳnh Anh	19	19	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
91	23110019	Nguyễn Đỗ Gia Huy	22	22	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
92	23110072	Lê Vũ Thành Đạt	20	20	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
93	23110075	Nguyễn Ngọc Đức	20	20	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
94	23110126	Nguyễn Hoàng Vũ Nguyên	25	25	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
95	23110131	Lê Thị Ngọc Anh	23	23	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
96	23110159	Hà Thị Nam Hương	19	19	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
97	23110206	Đình Nhật Tân	21	21	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
98	23120003	Võ Hàn Trân Châu	20	20	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
99	23120004	Nguyễn Trọng Doanh	16	16	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
100	23120009	Nguyễn Thanh Khôi	20	20	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
101	23120015	Huỳnh Quốc Huy	20	20	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
102	23120023	Nguyễn Thái Bảo	20	20	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
103	23120038	Lê Hoàng Mỹ Hạ	16	16	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
104	23120075	Trần Đức Quân	20	20	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
105	23120085	Nguyễn Quốc Thắng	20	20	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
106	23120098	Hoàng Kim Trí	20	20	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
107	23120108	Vòng Hải Yến	20	20	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
108	23120150	Võ Thành Nhân	20	20	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
109	23120173	Khổng Đức Tiến	20	20	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
110	23120181	Lê Văn Trường	20	20	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
111	23120199	Huỳnh Đức Thịnh	22	22	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
112	23120200	Nguyễn Hưng Thịnh	20	20	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
113	23120254	Trịnh Thị Thu Hiền	20	20	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
114	23120255	Lê Tấn Hiệp	20	20	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
115	23120293	Đỗ Duy Lợi	20	20	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
116	23122030	Phạm Phú Hòa	20	20	9,94	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
117	23122044	Trần Chí Nguyên	20	20	9,92	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
118	23130002	Lê Gia Bảo	21	18	9,04	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
120	23130036	Phạm Thị Hồng Nhung	16	16	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
121	23130040	Nguyễn Trọng Quang	19	19	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
122	23130106	Diệp Thiên Du	16	16	9,06	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
123	23130119	Nguyễn Minh Hải	16	16	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
124	23130137	Võ Hoàng Khang	16	16	9,36	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
125	23130187	Trần Lê Yến Nhi	17	17	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
126	23130199	Võ Chúc Phong	19	19	9,53	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
127	23130230	Phạm Huỳnh Thụy Thảo	16	16	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
129	23137003	Nguyễn Trần Gia Bảo	21	18	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
119	23130030	Trần Thị Cẩm Ly	19	19	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
128	23130256	Nguyễn Văn Trường	19	19	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
130	23140003	Vũ Văn Hoàng	17	17	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
131	23140023	Nguyễn Phạm Minh Trí	19	19	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
132	23140025	Bùi Nguyễn Quang Tuấn	21	21	8,35	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
133	23140035	Nghi Bích Hoàng	19	19	8,45	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
134	23140036	Phạm Đăng Nguyên Khôi	17	17	8,63	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
135	23140123	Nguyễn Phan Thanh Lam	17	17	8,59	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
136	23140128	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	17	17	8,4	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
137	23140130	Phan Tấn Lộc	19	19	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
138	23140137	Đinh Thị Ly Ly	17	17	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
139	23140182	Trần Anh Quân	17	17	8,91	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
140	23150004	Hồ Nguyễn Trâm Anh	19	16	8,08	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
141	23150009	Nguyễn Phương Dung	18	18	8,35	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
142	23150036	Lê Ngọc Minh Thư	16	16	8,62	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
143	23150051	Vũ Phi Long	18	18	8,18	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
144	23150078	Phạm Thị Thùy Dung	21	14	8,18	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
145	23150097	Nguyễn Thị Huyền	14	14	8,39	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
146	23150132	Nguyễn Thị Kim Ngân	19	16	8,18	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
147	23150191	Nguyễn Bích Kiều Thương	20	17	8,14	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
148	23160007	Nguyễn Lê Thảo Tiên	14	14	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Địa chất học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
149	23170008	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	18	18	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
150	23170019	Võ Thị Hồng Ánh	18	18	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
151	23170049	Tạ Thị Như Mai	18	18	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
152	23170072	Nguyễn Trần Mai Quỳnh	18	18	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
153	23180001	Trần Thị Mỹ Tâm	19	19	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
154	23180022	Lương Trung Phong	21	21	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
155	23180029	Huỳnh Thanh Tuyền	19	19	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
156	23180042	Nguyễn Văn Khoa	19	19	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
157	23180075	Nguyễn Quốc Bảo	14	14	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
158	23180080	Đoàn Thanh Cường	16	16	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
159	23180103	Đỗ Trọng Hiếu	14	14	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
160	23180198	Đặng Thị Hà Trang	18	18	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
161	23190004	Nguyễn Hồng Hạnh	18	18	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
162	23190079	Nguyễn Thị Thùy Nguyên	18	18	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
163	23190122	Phạm Thị Xuân Uyên	18	18	8,73	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
164	23197004	Nguyễn Phước Huy Long	18	18	8,67	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
165	23200015	Hồ Quốc Huy	17	14	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
166	23200025	Đỗ Gia Min	14	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
167	23200033	Nguyễn Anh Tuấn	14	14	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
168	23200066	Trần Hoàng Bảo	17	17	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
169	23200087	Trần Quang Hữu	17	17	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
170	23200141	Đỗ Mỹ Thâm	14	14	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
171	23200164	Nguyễn Thị Cẩm Uyên	14	14	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
172	23210011	Cao Mạnh Nhất	15	15	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Hải dương học
173	23220001	Lê Từ Mỹ	20	20	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
174	23220049	Hồ Minh Sang	20	20	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
175	23230011	Lê Hoàng Phúc	19	16	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
176	23250013	Lê Thị Ngọc Ánh	18	18	8,52	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
177	23250028	Nguyễn Hoàng Vinh Khang	18	18	8,5	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
178	23250039	Trần Võ Trà My	21	18	8,82	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
179	23260001	Nguyễn Kiến Nguyên	17	17	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
180	23260002	Nguyễn Ngọc Phương Dung	17	17	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
181	23260052	Âu Trí Viễn	17	17	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
182	23270006	Phạm Đặng Nhựt Khiêm	17	17	8,37	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất
183	23280007	Nguyễn Quang Lập	23	23	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
184	23280015	Nguyễn Triều Dương	20	20	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
185	23280025	Đặng Trọng Bảo Thi	23	23	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
186	23290002	Nguyễn Lê Chánh	18	18	9,33	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
187	23290018	Lê Trần Ngọc Anh	18	18	9,1	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
188	23290044	Ngô Phạm Tuyết Nhi	18	18	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
189	23290075	Trần Minh Tiền	18	18	9,12	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
190	24110007	Phạm Quốc Bình	28	24	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
191	24110032	Ngô Hoàng Lực	23	19	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
192	24110036	Nguyễn Hoàng My	25	21	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
193	24110088	Bùi Quang Khôi	28	21	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
194	24110137	Nguyễn Quốc Đạt	27	23	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
195	24110141	Trần Tấn Đạt	29	25	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
196	24110164	Đặng Phước Hùng	29	25	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
197	24110179	Huỳnh Thế Khải	29	25	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
198	24110190	Nguyễn Anh Khôi	26	22	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
199	24110207	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	25	21	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
200	24110245	Đỗ Hoàng Thịnh	25	21	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
201	24120040	Dương Hoài Đức	25	21	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
202	24120053	Đặng Ngọc Hoàng	27	23	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
203	24120103	Hoàng Trọng Nghĩa	26	22	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
204	24120144	Dương Ngọc Minh Thu	29	21	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
205	24120151	Phạm Minh Trọng	25	21	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
206	24120152	Trần Ngọc Thanh Tú	24	16	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
207	24120158	Phan Tấn Vượng	25	21	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
208	24120168	Đoàn Ngọc Bảo	25	21	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
209	24120170	Phạm Gia Bảo	25	21	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
210	24120209	Vân Hoàng Nhật	26	22	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
211	24120215	Nguyễn Ngọc Phúc	25	21	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
212	24120248	Phí Hoàng Đức	28	24	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
213	24120280	Phan Hữu Danh	27	23	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
214	24120290	Lê Tấn Dũng	29	25	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
215	24120327	Trịnh Đỗ Minh Huy	26	22	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
216	24120359	Trần Tuấn Kiệt	27	23	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
217	24120416	Đoàn Thế Phùng	25	21	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
218	24120438	Trần Nguyên Tân	26	22	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
219	24120457	Huỳnh Chí Thoại	26	22	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
220	24122002	Đình Như Phát	29	25	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
221	24122033	Trần Trung Hiếu	23	19	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
222	24130018	Lê Hữu Hoàng	26	22	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
224	24130039	Trần Văn Khoa	26	22	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
225	24130055	Phạm Hoàng Nam	28	24	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
227	24130086	Nguyễn Hoàng Thanh Uyên	24	20	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
229	24130176	Nguyễn Thanh Hiền	26	22	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
231	24130248	Hồ Minh Quang	26	22	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
232	24130277	Nguyễn Minh Trọng	31	22	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
233	24130281	Nguyễn Ngọc Anh Tú	26	22	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
223	24130022	Nguyễn Quách Vinh Hưng	22	18	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
228	24130095	Ôn Gia Bảo	22	18	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
226	24130064	Nguyễn Hữu Phước	22	18	8,97	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
230	24130222	Nguyễn Thành Nam	20	16	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
234	24140001	Thân Tú Đan	24	20	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
235	24140002	Nguyễn Đức Hiền	24	20	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
236	24140003	Nguyễn Lê Huy Hoàng	26	22	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
237	24140005	Lê Anh Trung	26	22	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
238	24140007	Đào Trọng Nhân	24	20	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
239	24140013	Võ Đình Dương	26	22	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
240	24140038	Võ Minh Trúc	22	18	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
241	24140139	Nguyễn Đức Khôi	22	18	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
242	24140189	Nguyễn Đức Phú	24	20	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
243	24150075	Nguyễn Như Quỳnh	28	22	8,57	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
244	24150116	Võ Minh Khiêm	26	22	8,2	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
245	24150119	Nguyễn Hoàn Tuyết Nhi	26	22	8,17	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
246	24150121	Nguyễn Huỳnh Quốc Thanh	26	22	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
247	24150139	Nguyễn Hồng Đức	24	20	8,26	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
248	24150175	Nguyễn Trọng Nghĩa	28	24	8,08	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
249	24150184	Trần Thị Thanh Nhân	23	19	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
250	24150189	Lê Đặng Hoàng Oanh	26	22	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
251	24150205	Trương Thị Bé Thi	27	23	8,14	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
252	24160026	Vũ Dương Thùy Linh	22	18	8,42	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
253	24160037	Huỳnh Tiến Thanh	22	18	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
254	24170004	Nguyễn Khánh Đan	22	18	8,78	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
255	24170008	Nguyễn Quỳnh Hoa	22	18	8,24	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
256	24170049	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	22	18	8,14	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
257	24170068	Nguyễn Văn Hậu	22	18	8,38	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
258	24170094	Lê Nguyễn Gia Lâm	22	18	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
259	24170095	Trần Trung Lập	22	18	8,31	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
260	24170156	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	22	18	8,16	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
261	24180001	Huỳnh Minh Khôi	23	19	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
262	24180002	Lê Hoàng Trung	28	24	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
263	24180003	Phan Nhật Trường	28	24	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
264	24180039	Phạm Đặng Hoàng Trân	24	20	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
265	24180043	Nguyễn Lê Vy Uyên	25	21	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
266	24180044	Bùi Thùy Vân	26	22	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
267	24180050	Huỳnh Thị Ngọc Diệu	28	24	8,92	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
268	24180056	Nguyễn Minh Ngọc	26	22	8,85	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
269	24180118	Nguyễn Huỳnh Khang	24	20	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
270	24190009	Nguyễn Bảo Khang	23	19	8,64	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
271	24190032	Nguyễn Thị Thanh Hoài	25	21	8,72	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
272	24190034	Vương Huỳnh Minh Phương	23	19	8,65	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
273	24190096	Nguyễn Thị Hương Mơ	23	19	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Khoa học vật liệu
274	24190139	Lê Thị Huyền Thương	23	19	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
275	24190150	Nguyễn Xuân Trường	23	19	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
276	24200016	Lưu Gia Bảo	21	17	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
277	24200021	Bùi Văn Vương Em	19	15	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
278	24200047	Lưu Gia Bảo	21	17	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
281	24200107	Nguyễn Phú Khương	20	14	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
283	24200149	Đoàn Thanh Phúc	20	16	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
279	24200087	Huỳnh Ngọc Huy	20	16	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
280	24200094	Phan Tấn Khải	20	16	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
282	24200126	Lữ Gia Minh	20	16	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
284	24210004	Nguyễn Gia Hân	25	21	8,6	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
285	24210017	Võ Thành Hiếu	25	21	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Hải dương học
286	24220017	Đỗ Thị Tường Vy	22	18	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
287	24220063	Lê Viết Khoa	20	16	8,54	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
288	24220078	Đình Trọng Nghĩa	22	18	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
289	24220107	Mai Nguyễn Minh Thơ	22	18	8,6	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
290	24220113	Nguyễn Dạ Hoài Thương	22	18	8,81	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
291	24220130	Bùi Hữu Vinh	22	18	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
292	24230023	Lê Đức Anh Tuấn	24	20	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
293	24230048	Huỳnh Nguyễn Tĩnh	24	20	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
294	24250009	Đào Nguyễn Ngân Khánh	21	17	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
295	24250011	Đỗ Tú Nghi	21	17	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
296	24250034	Nguyễn Võ Thành Danh	21	17	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
297	24250076	Phạm Hoàn Mỹ	20	16	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
298	24250110	Võ Minh Triết	25	21	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
299	24260025	Trần Gia Hào	22	18	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
300	24260059	Trương Quang Thuận	24	20	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
301	24260063	Hoàng Ngọc Trung	20	16	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
302	24270021	Bùi Thị Linh	19	15	7,99	Khá	Xuất sắc	Khá	2.840.000	5	14.200.000	Kỹ thuật địa chất
303	24280030	Trần Ngọc Các Uyên	26	22	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
304	24280034	Đặng Thanh Huyền	24	20	9,88	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
305	24280038	Nguyễn Đăng Nhân	26	22	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
306	24280042	Quảng Diễm Quỳnh	22	18	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
307	24280080	Nguyễn Diệu Lê	26	22	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
308	24290007	Nguyễn Trọng Khoa	22	18	8,69	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
309	24290008	Lý Xuân Mai	22	18	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
310	24290009	Trần Phạm Thảo My	22	18	8,34	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
311	24290011	Ngô Ngọc Ngân	22	18	8,52	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
312	24290055	Trần Thị Quỳnh Lam	22	18	8,37	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
313	25110045	Trịnh Huy Hoàng	21	16	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
314	25110168	Trương Quang Long	21	16	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
315	25110179	Nguyễn Thị Khả Vi	21	16	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
316	25110181	Bùi Anh Tuấn	21	16	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
317	25110188	Trần Thanh Bình	21	16	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
318	25110216	Hồ Ngọc Long	21	16	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
319	25110235	Bùi Hồng Tài	21	16	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
320	25110237	Trà Minh Thiện	21	16	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
321	25110240	Lê Ngọc Bảo Trân	21	16	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
322	25110243	Ngô Phát Triển	21	16	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
323	25120006	Phan Gia Lộc	18	16	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
324	25120013	Nguyễn Tiến Tuấn	18	16	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
325	25120028	Nguyễn Minh Chí	18	16	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
326	25120031	Huỳnh Nguyên Cường	18	16	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
327	25120053	Bùi Chí Giang	18	16	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
328	25120150	Quách Mạnh Tuấn	18	16	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
329	25120182	Hứa Phước Duy	18	16	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
330	25120241	Đặng Minh Tiền	18	16	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
331	25120257	Nguyễn Huỳnh Đệ	18	16	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
332	25120261	Đặng Anh Khoa	18	16	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
333	25120306	Phạm Thái Dương	18	16	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
334	25120325	Nguyễn Vinh Hoàng	18	16	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
335	25120331	Trương Văn Hùng	18	16	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
336	25120365	Trần Phước Anh Khoa	18	16	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
337	25120403	Nguyễn Minh Nhật	18	16	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
338	25120465	Nguyễn Lê Chí Tường	18	16	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
339	25120469	Đoàn Hoàng Việt	18	16	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
340	25120480	Nguyễn Phùng Nhật Khanh	18	16	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
341	25122002	Nguyễn Huỳnh Hải Long	19	19	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
342	25122016	Tăng Lý Vĩnh Thành	19	19	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
343	25122064	Trương Tiến Dương	19	19	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
344	25122074	Đào Minh Đăng Khoa	19	19	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
345	25130001	Lê Nguyễn Quốc Anh	21	19	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
347	25130003	Đặng Hữu Thịnh	21	19	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
348	25130005	Trần Quang Đại	21	19	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
349	25130007	Châu Nguyễn Thanh Duy	21	19	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
355	25130218	Võ Quốc Kiên	21	19	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
356	25130253	Trần Thanh Sơn	21	19	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
357	25130255	Đặng Quốc Tấn	21	19	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
358	25130267	Phan Thị Thùy Trang	21	19	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
346	25130002	Hoàng Trần Khánh Phong	20	18	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
350	25130009	Võ Nhất Nam	20	18	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
353	25130132	Võ Minh Hào	20	18	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
351	25130023	Nguyễn Lê Bảo Châu	20	18	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
352	25130123	Phạm Hoàng Anh	20	18	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
354	25130173	Lê Phúc Đạt	20	18	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
359	25140001	Hoàng Gia Bảo	22	17	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
360	25140002	Lý Anh Kiệt	22	17	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
361	25140004	Đỗ Ngọc Luân	22	17	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
362	25140007	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	22	17	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
363	25140119	Trần Thiện Bảo Ngọc	22	17	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
364	25140158	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	22	17	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
365	25140159	Trần Quốc Bảo	22	17	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
366	25140174	Phạm Quang Huy	22	17	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
367	25140194	Ngô Thị Huỳnh Như	22	17	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
368	25140201	Ngô Thiên Phúc	22	17	9,71	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
369	25150001	Lê Hoài Nam	20	15	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
370	25150002	Lê Minh Đức	20	15	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
371	25150091	Lê Thị Phương Thảo	20	15	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
372	25150155	Võ Hoàng Hoài Anh	20	15	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
373	25150165	Văn Thị Thúy Diễm	20	15	8,63	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
374	25150172	Nguyễn Hải Hồ	20	15	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
375	25150181	Võ Duy Khang	20	15	8,77	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
376	25150182	Đào Anh Khôi	20	15	8,6	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
377	25150191	Vũ Ban Mai	20	15	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
378	25150207	Phạm Trường Phúc	20	15	8,54	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
379	25160003	Huỳnh Thị Ngọc Cẩm	16	14	8,71	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
380	25160052	Huỳnh Lê Bảo Ngọc	16	14	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
381	25160074	Đỗ Lê Hoàng	16	14	8,59	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
382	25160082	Nguyễn Hoàng Khuê	16	14	8,59	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
383	25160085	Nguyễn Thị Diệu Linh	16	14	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
384	25170016	Trịnh Đăng Hải	21	19	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
385	25170039	Phạm Mai Linh	21	19	8,51	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
386	25170097	Trần Ngọc Minh Châu	21	19	8,81	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
387	25170133	Nguyễn Quang Sang	21	19	8,37	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
388	25170134	Ngô Công Tài	21	19	8,93	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
389	25170142	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	21	19	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
390	25170144	Lê Thị Thùy Trang	21	19	8,33	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
391	25170145	Nguyễn Lưu Thùy Trang	21	19	8,47	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
392	25180001	Huỳnh Nhân	20	15	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
393	25180003	Đỗ Thanh Truyền	20	15	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
394	25180014	Huỳnh Ngọc Minh Châu	20	15	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
395	25180123	Nguyễn Phạm Minh Đạt	20	15	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
396	25180128	Nguyễn Lê Gia Hân	20	15	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
397	25180141	Bùi Ngọc Yến Ngân	20	15	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
398	25180152	Phạm Thị Bảo Phương	20	15	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
399	25180176	Phạm Huỳnh Bảo Trâm	20	15	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
400	25180227	Phạm Trần Hoàng Vũ	20	15	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
401	25190090	Võ Bảo Vy	19	17	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
402	25190097	Lê Thanh Long	19	17	9,21	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
403	25190131	Hồ Nhật Huy	19	17	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Khoa học vật liệu
404	25190135	Lê Nguyễn Hoàng Khanh	19	17	8,93	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
405	25190153	Xính Cá Tài	19	17	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
406	25190156	Cao Đức Thịnh	19	17	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
407	25190165	Nguyễn Ngọc Thái Tú	19	17	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
408	25200019	Lê Nguyễn Trung Hiếu	23	21	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
409	25200032	Nguyễn Văn Bá Khôi	23	21	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
410	25200048	Nguyễn Bình Ánh Nhân	23	21	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
411	25200098	Nguyễn Trọng Chiến	23	21	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
412	25200139	Bùi Hữu Tài	23	21	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
413	25200145	Nguyễn Minh Triết	23	21	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
414	25210001	Trần Đỗ Phương Anh	21	16	8,53	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
415	25210033	Tạ Thị Ngọc Hiền	21	16	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
416	25210034	Đàm Huy Hoàng	21	16	9,19	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
417	25220013	Nguyễn Tiến Đạt	21	19	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
418	25220035	Tào Khánh Linh	21	19	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
419	25220061	Dương Trí Thuận	21	19	8,66	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
420	25220068	Hoàng Quốc Triệu	21	19	8,75	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
421	25220089	Vũ Đức Gia Bảo	21	19	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
422	25220099	Nguyễn Lưu Mẫn	21	19	8,66	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
423	25220114	Hà Thanh Sơn	21	19	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
424	25220123	Lâm Thị Ngọc Trinh	21	19	8,83	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
425	25230004	Trần Gia Hân	21	16	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
426	25230024	Đặng Lê Huyền Trân	21	16	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
427	25230036	Diệp Thị Ngọc Hân	21	16	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
428	25250062	Nguyễn Võ Mai Quỳnh	22	20	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
429	25250069	Hoàng Kim Tân	22	20	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
430	25250135	Lê Nguyễn Trúc Ly	22	20	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
431	25250136	Trần Lê Ái My	22	20	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
432	25250140	Phạm Minh Quân	22	20	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
433	25250143	Võ Minh Tài	22	20	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
434	25250160	Lưu Nguyễn Thảo Vy	22	20	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
435	25260018	Trần Xuân Nga	21	16	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
436	25260037	Nguyễn Phương Anh	21	16	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
437	25270027	Trần Thị Kim Ngọc	18	16	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất
438	25270035	Võ Hoàng Gia Trang	18	16	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất
439	25280003	Trương Hồ Minh Thuận	22	17	9,84	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
440	25280075	Dương Đức Toàn	22	17	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
441	25280094	Phạm Thế Anh	22	17	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
442	25280102	Lê Thanh Hiếu	22	17	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
443	25280112	Nguyễn Minh Khôi	22	17	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
444	25290039	Nguyễn Minh Tâm	21	16	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
445	25290065	Hồ Thiện Cẩm	21	16	9,19	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB (HK1/25- 26)	XL HT (HK1/25- 26)	XL ĐRL (HK1/25- 26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
446	25290069	Nguyễn Ngọc Gia Hân	21	16	8,58	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
447	25290075	Nguyễn Phúc Kiên	21	16	8,56	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
448	25290088	Trần Vĩnh Thành	21	16	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
449	25300031	Lê Quý Thanh Thiên	18	16	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
450	25300036	Nguyễn Thị Cẩm Thy	18	16	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
451	25300067	Nguyễn Anh Quân	18	16	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
452	25310050	Trương Hoài Đức	20	18	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.816.000	5	19.080.000	Công nghệ giáo dục
453	25310052	Trần Thị Phụng Nhi	20	18	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.816.000	5	19.080.000	Công nghệ giáo dục
454	25310064	Đoàn Quân Tiến	20	18	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.816.000	5	19.080.000	Công nghệ giáo dục